

Số: 02/PA-UBND

Sơn Thủy, ngày 28 tháng 4 năm 2026

PHƯƠNG ÁN
Phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030
trên địa bàn xã Sơn Thủy

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 10/10/2025 Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Thực hiện Thông báo số 42/TB-UBND ngày 21/3/2026 Thông báo Kết luận của đồng chí Phan Huy Ngọc, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc với các xã, phường (Mỹ Lâm, Minh Xuân, Nông Tiến, An Trường, Bình Thuận, Sơn Dương, Tân Trào, Minh Thanh, Bình Ca, Đông Thọ, Tân Thanh, Sơn Thủy, Phú Lương, Trường Sinh, Hồng Sơn) về định hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030; Thông báo số 66/TB-UBND ngày 03/4/2026 Thông báo Kết luận của đồng chí Phan Huy Ngọc, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh sau khi khảo sát thực tế các khu, cụm công nghiệp trọng điểm, các tuyến giao thông kết nối liên vùng và bến thủy nội địa tiềm năng tại các xã phía Nam của tỉnh; Thông báo Kết luận số 78/KL-UBND ngày 16/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh tại các buổi làm việc với các cụm xã, phường về định hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/ĐH ngày 20/8/2025 Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Sơn Thủy lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Chương trình hành động số 11-CTr/ĐU ngày 16 tháng 11 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh Tuyên Quang, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Sơn Thủy lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Sơn Thủy về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030;

Ủy ban nhân dân xã Sơn Thủy xây dựng Phương án phát triển kinh tế- xã hội giai đoạn 2026- 2030 trên địa bàn xã, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Xây dựng phương án phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 nhằm xác định hướng đi, khai thác tiềm năng lợi thế của địa phương, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân, tăng thu ngân sách, tạo động lực tăng trưởng kinh tế và hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ, chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025- 2030.

2. Yêu cầu:

- Đảm bảo vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, sự quản lý, điều hành tập trung, thống nhất của Ủy ban nhân dân xã; sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ quan chuyên môn, các đơn vị, các thôn, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và toàn thể Nhân dân trên địa bàn xã.

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030; phân công trách nhiệm cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, các thôn gắn với kiểm tra, đánh giá theo định kỳ việc triển khai thực hiện nhằm bảo đảm tính đồng bộ, hiệu quả và khả thi của Phương án.

- Xác định rõ ngành, lĩnh vực trọng tâm, sản phẩm chủ lực, thế mạnh của địa phương để ưu tiên nguồn lực hỗ trợ, phát triển và từng bước nhân rộng theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng.

- Phấn đấu đến năm 2030 Sơn Thủy là xã phát triển toàn diện, bền vững, có mức thu nhập bình quân đầu người đạt khá; kinh tế tăng trưởng ổn định, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được nâng cao; xây dựng cộng đồng dân cư đoàn kết, tự cường, thích ứng linh hoạt trong bối cảnh phát triển mới, hướng tới mục tiêu phát triển phồn vinh, hạnh phúc.

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Xã Sơn Thủy nằm ở phía Nam của tỉnh Tuyên Quang, cách trung tâm tỉnh khoảng 50 km; về địa hình là xã bán trung du miền núi, có 2 dãy núi bao bọc, theo hướng Bắc có dãy núi Bầu, hướng Đông có dãy núi Tam Đảo, giáp xã Đạo Trù, Phía Nam giáp xã Hợp Lý, tỉnh Phú Thọ, Phía Tây giáp xã Tân Thanh, Phía Bắc giáp xã Phú Lương. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 7.612,54 ha, trong đó: Nhóm đất nông nghiệp 6.807,40 ha, chiếm 89,42% tổng diện tích tự nhiên của xã; nhóm đất phi nông nghiệp 761,26 ha, chiếm 10% tổng diện tích tự nhiên của xã; nhóm đất chưa sử dụng 43,88 ha, chiếm 0,58% tổng diện tích tự nhiên của xã.

Toàn xã có 54 thôn với 6.291 hộ, trên 28.300 nhân khẩu, mật độ dân số bình quân là 368,6 người/km². Trên địa bàn xã có 10 dân tộc sinh sống tại 54 thôn, đa số là dân tộc chiếm 67%, trong đó Sán Dìu chiếm khoảng 57%; dân tộc kinh chiếm 33%; còn lại là các dân tộc khác.

Trên địa bàn xã hiện có 242,8 km đường giao thông (*đường Quốc lộ 2c: 7,9 km; đường tỉnh lộ: 12,1 km; đường trục xã: 67,8 km; đường ngõ xóm: 100,5 km; đường nội đồng: 31,5 km và 23,2 km đường cấp phối, đường đất chưa được nhựa hóa, bê tông hóa*) với 01 khu công nghiệp, 01 cụm công nghiệp, trên 60 doanh nghiệp, hợp tác xã và khoảng trên 735 hộ kinh doanh với các ngành nghề *sản xuất, kinh doanh tương đối phong phú và đa dạng*. Toàn xã có khoảng trên 14.070 người trong độ tuổi lao động, chiếm 50,14% tổng dân số (*trong đó trên 75% lao động đã qua đào tạo*).

Về các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu, tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2025 đạt 4.775,46 triệu đồng, bằng 181,29% kế hoạch; thu nhập bình quân đầu người đạt 58 triệu đồng/người/năm. Tỷ lệ nghèo theo chuẩn nghèo quốc gia cuối năm 2025 toàn xã là 5,17%, trong đó: Tỷ lệ hộ nghèo là 2,83%; tỷ lệ hộ cận nghèo là 2,34%.

III. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Phát triển nông, lâm nghiệp

1.1. Thực trạng phát triển nông, lâm nghiệp

Sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn xã Sơn Thủy cơ bản ổn định, đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế địa phương. Năm 2025, tổng sản

lượng lương thực có hạt trên địa bàn xã đạt 10.977,4 tấn, bằng 102,63% kế hoạch giao, trong đó: Sản lượng lúa là 9.661,2 tấn, sản lượng ngô là 1.316,2 tấn; đảm bảo duy trì ổn định an ninh lương thực của xã. Diện tích một số cây trồng chủ yếu cơ bản đạt và vượt kế hoạch giao¹. Hiện nay trên địa bàn xã đã hình thành một số vùng chuyên canh cây trồng, như: Lúa 02 vụ, thanh long, cây rau màu, ớt..., trong đó có một số mô hình sản xuất hiệu quả, mang lại giá trị kinh tế cao cho người dân. Trên địa bàn xã hiện có 05 sản phẩm đã được đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP đạt hạng 3 sao².

Duy trì và phát triển ổn định đàn gia súc, gia cầm hiện có³; đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại, chăn nuôi an toàn sinh học; trên địa bàn xã có một số mô hình chăn nuôi điển hình, có giá trị kinh tế cao như: Mô hình chăn nuôi ngan, vịt theo hướng an toàn sinh học (*nuôi trên sàn lưới*), mô hình chăn nuôi dê thương phẩm vỗ béo...; đến nay toàn xã có 03 sản phẩm có nguồn gốc từ chăn nuôi có mã số, mã vạch, truy suất nguồn gốc⁴.

Quản lý, bảo vệ có hiệu quả 4.253 ha rừng hiện có, trong đó rừng tự nhiên chiếm 2.514,44 ha, có giá trị về môi trường sinh thái, tiềm năng phát triển dược liệu, kinh tế dưới tán rừng và điều kiện thuận lợi phát triển du lịch sinh thái. Công tác quản lý, bảo vệ rừng được thực hiện đảm bảo; duy trì tỷ lệ che phủ rừng đạt 55,1%.

1.2. Định hướng, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026-2030

Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, đặc sản theo chuỗi liên kết đảm bảo chất lượng gắn với liên kết theo chuỗi giá trị từ sản xuất - thu hoạch - chế biến - tiêu thụ; trong đó tập trung vào các sản phẩm nông nghiệp có giá trị cao, tăng hiệu quả kinh tế và thu nhập cho người dân. Hằng năm, hình thành và phát triển từ 01 - 02 vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung với quy mô phù hợp (*lúa chất lượng cao, cây ớt, cây ăn quả...*); 01 - 02 mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, từng bước hình thành các vùng sản xuất ổn định, bền vững. Tăng cường quản lý giống, vật tư nông nghiệp; ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ và chuyển đổi số vào nông nghiệp; xây dựng

¹ - Diện tích cây lúa cả năm là 1.610,5 ha, đạt 109,08% kế hoạch; sản lượng đạt 9.661,2 tấn. Diện tích cây ngô lấy hạt cả năm là 262 ha, đạt 65,6% kế hoạch; sản lượng đạt 1.316,2 tấn.

- Diện tích rau, củ các loại: 420 ha, trong đó, có khoảng 40 ha diện tích trồng ớt liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm với HTX Minh Thắng, tập trung tại các thôn: Ấp Mới, Đồng Xe, Hợp Thịnh, Hợp Hòa.

- Cây chè: Duy trì diện tích cây chè hiện có: 23,5 ha (*chè kinh doanh*), đạt 100% kế hoạch; năng suất bình quân đạt 90 tạ/ha, ước sản lượng (*búp tươi*) cả năm đạt 211,5 tấn.

- Một số cây ăn quả chủ yếu trên địa bàn xã: Cây nhãn, vải diện tích khoảng 20 ha; cây bưởi khoảng 18 ha; cây thanh long khoảng 23 ha; cây ổi khoảng 6,0 ha, hồng xiêm khoảng 10 ha, còn lại là một số loại cây ăn quả khác.

² Sản phẩm OCOP 3 sao: Thanh long Thịnh Niên - HTX Hưng Thịnh; Giò lụa Phương Trang - Hộ kinh doanh Diệp Minh Phương; Cao an xoa nguyên chất, Trà cà gai leo - giáo cổ lam, Trà cà gai leo - giáo cổ lam - Công ty TNHH thảo dược Phạm Trinh; Nem chua - HTX Phương Trang.

³ Đàn trâu 1.929 con, đàn bò 973 con, đàn lợn 23.449 con, đàn gia cầm 248.979 con, diện tích thùy sản 37,6 ha.

⁴ Sản phẩm Mật ong Thuận Phát của Hộ kinh doanh Lưu Văn Hòa; sản phẩm Giò lụa, Nem chua của Hợp tác xã Phương Trang.

thương hiệu, nhãn hiệu cho các sản phẩm nông sản chủ lực, sản phẩm đặc trưng của xã; từng bước triển khai truy xuất nguồn gốc sản phẩm đối với các sản phẩm chủ lực; duy trì và nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP hiện có; phấn đấu giai đoạn 2026-2030 có thêm ít nhất 3 - 5 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên. Phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn, tập trung và bền vững, phù hợp với Luật Chăn nuôi và các quy chuẩn môi trường hiện hành. Khuyến khích phát triển chăn nuôi trang trại, chăn nuôi hữu cơ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

1.2.1. Lĩnh vực trồng trọt

a) Phát triển mô hình trồng Cây ốt liên kết theo chuỗi giá trị

- **Hiện trạng:** Năm 2025 trên địa bàn xã đã triển khai được 40 ha diện tích trồng ốt thực hiện liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm với HTX Minh Thắng, thôn Cây Cọ, xã Sơn Thủy. Thu nhập bình quân của các hộ từ mô hình trồng ốt (*sau khi trừ chi phí*) đạt 600-800 triệu đồng/ha, cao hơn nhiều so với trồng lúa thuần và một số cây trồng khác, góp phần tăng thu nhập cho người dân trên địa bàn xã.

- **Định hướng, giải pháp phát triển:** Xác định Cây ốt là một trong những cây trồng chủ lực của xã, có tiềm năng mang lại giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và tập quán canh tác của địa phương. Phát triển cây ốt theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, gắn với liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và tiêu thụ sản phẩm ổn định, bền vững.

Mục tiêu năm 2026 mở rộng diện tích trồng ốt liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị thêm 10-20 ha, tập trung phát triển tại các thôn Hợp Hòa, Hợp Thịnh, Đồng Xe, Thác Nóng, Áp Mới, nâng tổng diện tích trồng ốt liên kết toàn xã lên **50-60 ha**.

Phấn đấu đến năm 2030 mở rộng và phát triển diện tích trồng ốt theo hướng tập trung, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn xã đạt trên **100 ha**. Từng bước hình thành vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có đầu ra ổn định, nâng cao giá trị gia tăng và xây dựng thương hiệu sản phẩm ốt của địa phương. Đồng thời, định hướng, hỗ trợ Hợp tác xã phát triển theo hướng tăng cường liên kết chuỗi giá trị, đẩy mạnh thu mua, sơ chế, chế biến và tiêu thụ ốt cùng các sản phẩm từ ốt; góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm thiểu rủi ro thị trường và nâng cao thu nhập bền vững cho người dân.

b) Cây Thanh long

- **Hiện trạng:** Trên địa bàn xã hiện có khoảng 23 ha trồng cây thanh long, tập trung tại các thôn Cây Cọ, Đồng Xe, Thác Nóng. Mô hình được triển khai với sự tham gia của Hợp tác xã Hưng Thịnh, thôn Cây Cọ trong việc chuyển giao kỹ thuật, liên kết tổ chức sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Vùng sản xuất thanh long của Hợp tác xã đã được cấp mã số vùng trồng, đồng thời ứng dụng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Cây thanh long mang lại hiệu quả kinh tế cao, với doanh thu bình quân đạt khoảng 250-350 triệu đồng/ha/năm. Đặc biệt, sản phẩm thanh long của Hợp

tác xã Hưng Thịnh đã được công nhận đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao, từng bước khẳng định chất lượng và thương hiệu trên thị trường, tạo tiền đề quan trọng để mở rộng quy mô sản xuất và phát triển bền vững trong thời gian tới.

- **Định hướng, giải pháp phát triển:** Cây Thanh long trên địa bàn xã là cây trồng có giá trị kinh tế cao, đã được cấp mã số vùng trồng và được công nhận đạt sản phẩm OCOP 3 sao; đây là lợi thế quan trọng để phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Mục tiêu đến hết năm 2026 mở rộng, phát triển diện tích trồng cây thanh long trên địa bàn xã thêm 5,0 ha (*tại các thôn Cây Cọ, Đông Xe, Thác Nóng,...*). Đẩy mạnh áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường tiêu thụ.

Phấn đấu đến năm 2030, phát triển, hình thành vùng sản xuất tập trung, ổn định với diện tích 40-50 ha; trong đó, diện tích áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn (VietGAP, hữu cơ...) khoảng 20-25 ha; xây dựng các mô hình điểm, từng bước hoàn thiện quy trình sản xuất, tổ chức liên kết tiêu thụ sản phẩm; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất và chế biến, bảo quản để đáp ứng được nhu cầu trong nước và thị trường xuất khẩu.

c) *Cây Mắc ca*

- **Hiện trạng:** Trên địa bàn xã hiện có Hợp tác xã Mắc ca Sơn Thủy Tuyên Quang được thành lập năm 2025, với mục tiêu phát triển, mở rộng diện tích trồng cây mắc ca trên địa bàn xã và các xã lân cận trong tỉnh. Tổng diện tích trồng cây Mắc ca trên địa bàn xã Sơn Thủy là 1,2 ha, tập trung tại thôn Thanh Tân; đến nay đã bước vào giai đoạn cho thu hoạch ổn định, với năng suất bình quân đạt khoảng 1,2-1,5 tấn quả tươi/ha, doanh thu đạt trên 200 triệu đồng/ha. Thực tế cho thấy cây mắc ca cơ bản phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu của địa phương, là loại cây có giá trị dinh dưỡng và kinh tế cao.

- **Định hướng, giải pháp phát triển:** Năm 2026 tiếp tục duy trì và chăm sóc tốt diện tích cây mắc ca hiện có và dự kiến mở rộng, phát triển trồng mới thêm khoảng 1,0-2,0 ha; tập trung hỗ trợ Hợp tác xã trong việc hoàn thiện tổ chức sản xuất, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu “Mắc ca Sơn Thủy”; hướng dẫn áp dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến, tiêu chuẩn hóa sản xuất theo hướng an toàn, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Đồng thời, hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP; tăng cường xúc tiến thương mại, kết nối thị trường tiêu thụ. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia trồng mới, đặc biệt là các hộ có điều kiện về đất đai, lao động và vốn, nhằm phát triển, mở rộng diện tích trồng mắc ca.

Giai đoạn đến năm 2030, phấn đấu mở rộng diện tích trồng mắc ca đạt khoảng 5,0-10 ha; lựa chọn các khu vực có điều kiện phù hợp để hình thành vùng trồng tập trung, từng bước xây dựng chuỗi liên kết từ sản xuất - thu mua - chế biến - tiêu thụ sản phẩm. Khuyến khích thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia đầu tư, liên kết bao tiêu sản phẩm; nghiên cứu phát triển các sản phẩm chế biến từ mắc ca nhằm nâng cao giá trị gia tăng. Qua đó, từng bước khẳng định cây mắc ca là cây trồng tiềm năng, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao thu nhập và phát triển kinh tế bền vững trên địa bàn xã.

d) Cây Dâu tằm

- **Hiện trạng:** Trên địa bàn xã hiện có 3,0 ha trồng dâu, nuôi tằm tại thôn Hợp Thịnh, do Công ty CP tư lựa Phương Nam tiến khai thực hiện mô hình trên diện tích đất 5% của xã. Mô hình đã được đầu tư hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, cây dâu sinh trưởng và phát triển tốt, đảm bảo nguồn thức ăn ổn định cho tằm; doanh thu bình quân từ trồng dâu, kết hợp nuôi tằm đạt khoảng 400-500 triệu đồng/ha/năm. Qua thực tế cho thấy mô hình trồng dâu, kết hợp nuôi tằm phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương, có tiềm năng phát triển và mở rộng. Tuy nhiên, hiện nay mô hình vẫn chủ yếu do doanh nghiệp thực hiện, chưa thu hút được hộ dân tham gia trồng dâu, nuôi tằm. Nguyên nhân là do người dân đang ưu tiên sản xuất các cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn như cây ớt...; đồng thời, việc đầu tư cơ sở vật chất phục vụ nuôi tằm (*nhà tằm, trang thiết bị*) đòi hỏi chi phí lớn. Bên cạnh đó, công tác chuyển giao kỹ thuật, hướng dẫn quy trình nuôi tằm còn hạn chế, chưa tạo được sự lan tỏa trong cộng đồng dân cư; liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chưa được mở rộng, chưa hình thành vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn.

- **Định hướng, giải pháp phát triển:** Tập trung tuyên truyền, vận động người dân từng bước tiếp cận và tham gia mô hình trồng dâu, nuôi tằm; phối hợp với doanh nghiệp tổ chức tham quan thực tế, tập huấn, chuyển giao kỹ thuật nhằm nâng cao nhận thức và khả năng áp dụng của người dân. Phấn đấu trong năm 2026 phát triển thêm khoảng 1,0-2,0 ha diện tích trồng dâu tằm trong dân tại các thôn Hợp Thịnh, Hợp Hòa; bước đầu hình thành các hộ liên kết với doanh nghiệp trong cung ứng giống, vật tư đầu vào và bao tiêu sản phẩm kén. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng mô hình điểm có sự tham gia của hộ dân để làm cơ sở nhân rộng trong các năm tiếp theo, từng bước hình thành vùng sản xuất dâu tằm gắn với nuôi tằm trên địa bàn xã.

Phấn đấu đến năm 2030: Tiếp tục mở rộng, phát triển diện tích trồng dâu, nuôi tằm lên khoảng trên 10-15 ha, trong đó tăng tỷ lệ diện tích do các hộ dân trực tiếp tham gia sản xuất, từng bước giảm phụ thuộc hoàn toàn vào doanh nghiệp. Hình thành vùng trồng dâu tập trung tại các thôn Hợp Thịnh, Hợp Hòa, Ấp Mới, Hội Tân, gắn với phát triển đồng bộ nghề nuôi tằm. Đẩy mạnh liên kết giữa người dân với doanh nghiệp trong toàn bộ chuỗi giá trị từ cung ứng giống, vật tư đầu vào, chuyển giao kỹ thuật, đến thu mua, bao tiêu sản phẩm kén; từng bước xây dựng mô hình sản xuất khép kín, ổn định đầu ra. Khuyến khích thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã để tổ chức sản xuất quy mô lớn, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh. Qua đó, đưa cây dâu tằm trở thành một trong những hướng sản xuất có hiệu quả, tạo việc làm, tăng thu nhập bền vững cho người dân trên địa bàn xã.

đ) Mô hình chuyên canh trồng lúa chất lượng cao

- **Hiện trạng:** Diện tích trồng lúa cả năm trên địa bàn xã là 1.490,0ha/02 vụ/năm, chủ yếu là các giống lúa như: BC 15, KM 18, VNR 88, Thiên Ưu 8..., năng suất bình quân đạt 60-62 tạ/ha; sản lượng thóc cả năm đạt trên 9.000 tấn, đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn xã. Tuy nhiên, diện tích gieo trồng các giống lúa chất lượng cao, giá trị kinh tế tốt (*ST25, Bắc thơm, Japonica, Đài Thơm 8, Thái Xuyên 111,...*) trên địa bàn xã chưa nhiều, chưa hình thành vùng trồng chuyên canh tập trung.

- **Định hướng, giải pháp phát triển:** Năm 2026, thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã đã triển khai rà soát, đề xuất quy hoạch vùng trồng lúa có năng suất, chất lượng cao trên địa bàn xã với diện tích 16,5 ha, tập trung tại các thôn: Khoan Lư, Làng Sinh.

Đến năm 2030, phát triển, mở rộng vùng chuyên canh trồng lúa chất lượng cao với diện tích khoảng 50 ha, áp dụng các quy trình canh tác bền vững, giảm chi phí sản xuất, giảm từ 20-30% lượng phân bón hóa học và thuốc BVTV hóa học; tăng tỷ lệ sử dụng phân hữu cơ, chế phẩm sinh học; nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm lúa, gạo. Xây dựng và phát triển liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững, tăng thu nhập và nâng cao đời sống của người trồng lúa, góp phần bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính.

1.2.2. Lĩnh vực chăn nuôi

Tập trung phát triển đàn gia súc, gia cầm đảm bảo hoàn thành mục tiêu nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 và chỉ tiêu kế hoạch giao hàng năm; phấn đấu đến năm 2030 tăng 5% cơ sở chăn nuôi được đánh giá chăn nuôi theo hướng VietGap. Giảm dần quy mô đàn gia súc tại khu vực tập trung đông dân cư, khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh như: Dọc các tuyến đường quốc lộ 2c, đường DT185, tại các khu tập trung đông dân tại các thôn: Vạt Chanh, Cầu Xi, Làng Thiện, Văn Sòng, Quyết Thắng, Ba Nhà, Văn Bảo, Ninh Thuận, Ninh Lai, Cây Đa 1, Cây Đa 2.

a) Mô hình phát triển chăn nuôi ngan, vịt theo hướng an toàn sinh học

- **Hiện trạng:** Trên địa bàn xã hiện có khoảng 20 hộ chăn nuôi ngan, vịt, tập trung chủ yếu tại các thôn Thiện Tân, Ninh Bình, Hoàng La 1, Hợp Hòa..., với quy mô khoảng 1.000-1.200 con/lúa/hộ, trung bình nuôi 03 lứa/năm. Hoạt động chăn nuôi cơ bản mang lại hiệu quả kinh tế, với lợi nhuận sau khi trừ chi phí đạt khoảng 120-150 triệu đồng/hộ/năm. Tuy nhiên, hình thức chăn nuôi vẫn còn phân tán, nhỏ lẻ; việc áp dụng quy trình an toàn sinh học chưa đồng bộ, đặc biệt trong khâu xử lý môi trường, phòng chống dịch bệnh; cơ sở chuồng trại của một số hộ chưa đảm bảo tiêu chuẩn. Bên cạnh đó, liên kết giữa các hộ chăn nuôi còn lỏng lẻo, chưa hình thành chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ bền vững; đầu ra sản phẩm phụ thuộc nhiều vào thương lái nên giá cả chưa ổn định.

- **Định hướng, giải pháp phát triển:** Tập trung phát triển, mở rộng mô hình chăn nuôi ngan, vịt theo hướng an toàn sinh học, nhất là hình thức nuôi trên sàn lưới nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, hạn chế dịch bệnh và nâng cao năng suất. Phấn đấu năm 2026 có khoảng 25 hộ tham gia mô hình, với quy mô chăn nuôi đạt từ 1.500-2.000 con/hộ/lúa. Đồng thời, tăng cường công tác tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật về xây dựng chuồng trại, chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh, xử lý chất thải chăn nuôi; khuyến khích các hộ liên kết, hình thành tổ hợp tác hoặc hợp tác xã chăn nuôi ngan nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức sản xuất, chia sẻ kinh nghiệm, giảm chi phí đầu vào và từng bước liên kết tiêu thụ sản phẩm ổn định.

Đến năm 2030, tiếp tục duy trì và nhân rộng mô hình chăn nuôi ngan an toàn sinh học trên địa bàn toàn xã, mở rộng cả về quy mô và số lượng hộ tham gia; phấn đấu toàn xã có trên 30 mô hình chăn nuôi ngan, vịt trên sàn lưới, với quy mô chăn nuôi đạt trên 2.000 con/hộ/lứa. Hỗ trợ thành lập mới từ 02 - 03 tổ hợp tác, hợp tác xã chăn nuôi hoạt động hiệu quả, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các hộ trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Từng bước quy hoạch, hình thành vùng chăn nuôi tập trung, áp dụng đồng bộ quy trình an toàn sinh học, kiểm soát tốt dịch bệnh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Đẩy mạnh liên kết với doanh nghiệp, cơ sở thu mua, giết mổ, chế biến để xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm ngan thương phẩm; hướng tới sản xuất hàng hóa quy mô lớn, nâng cao chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm, góp phần phát triển chăn nuôi bền vững và nâng cao thu nhập cho người dân trên địa bàn xã.

b) Mô hình phát triển chăn nuôi dê vỗ béo

- **Hiện trạng:** Trên địa bàn xã có khoảng 2.000 con dê với 22 hộ chăn nuôi, tập trung tại các thôn: Thanh Tân, Thanh Thất, Bình Man, Bình Thái, Cao Đá, Thiện Tân, Thiện Phong, Kế Tân..., được chăn nuôi theo hai hình thức chủ yếu: Nuôi nhốt (*sử dụng giống dê Boer, dê lai Boer*) và thả tự nhiên. Trong đó, có 08 mô hình phát triển chăn nuôi dê vỗ béo với quy mô phổ biến từ 80-100 con/hộ/lứa, trung bình nuôi khoảng 03 lứa/năm. Hiệu quả kinh tế tương đối cao, thu nhập đạt khoảng 0,9 - 1,1 triệu đồng/con/lứa. Tuy nhiên, chăn nuôi dê trên địa bàn xã vẫn còn mang tính nhỏ lẻ, phân tán; việc áp dụng quy trình kỹ thuật, an toàn dịch bệnh chưa đồng bộ; liên kết giữa các hộ chăn nuôi còn hạn chế, chưa hình thành chuỗi tiêu thụ ổn định.

- **Định hướng, giải pháp phát triển:** Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả các hộ chăn nuôi hiện có; tập trung hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật về chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng chống dịch bệnh theo hướng an toàn sinh học. Khuyến khích các hộ mở rộng quy mô chăn nuôi dê, đặc biệt là phát triển mô hình chăn nuôi dê vỗ béo tại các khu vực có điều kiện phù hợp. Phấn đấu năm 2026 toàn xã có 10-12 mô hình phát triển chăn nuôi dê vỗ béo, với quy mô trung bình khoảng 120 - 150 con/hộ/lứa. Tăng cường hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn, con giống chất lượng cao (*dê Boer, dê lai Boer*), cải thiện chuồng trại theo hướng bán thả kết hợp nuôi nhốt, đảm bảo vệ sinh môi trường. Đồng thời, vận động các hộ liên kết sản xuất, từng bước hình thành tổ hợp tác hoặc hợp tác xã chăn nuôi dê nhằm chia sẻ kinh nghiệm, giảm chi phí đầu vào, hỗ trợ kỹ thuật và từng bước liên kết tiêu thụ sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Đến năm 2030: Tiếp tục mở rộng và phát triển chăn nuôi dê vỗ béo theo hướng hàng hóa, tập trung, nâng cao cả về quy mô và chất lượng đàn. Phấn đấu toàn xã có khoảng 30 - 40 hộ tham gia mô hình chăn nuôi dê vỗ béo; trong đó có trên 20 hộ chăn nuôi quy mô lớn, đạt bình quân trên 300 - 400 con/hộ/lứa, hình thành các mô hình sản xuất có tính dẫn dắt, tạo hiệu ứng lan tỏa trên địa bàn. Khuyến khích phát triển theo hình thức liên kết chuỗi giá trị; hỗ trợ thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã chăn nuôi dê nhằm tăng cường liên kết giữa các hộ; từng bước quy hoạch, hình thành vùng chăn nuôi dê tập trung phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; gắn phát triển chăn nuôi với bảo vệ môi trường, xử lý

chất thải chăn nuôi hiệu quả. Qua đó, nâng cao giá trị gia tăng, góp phần cải thiện thu nhập và đời sống cho người dân trên địa bàn xã.

c) Thí điểm mô hình Chăn nuôi Cây vôi mốc, cây vôi hương

- **Hiện trạng:** Trên địa bàn xã có 05 hộ chăn nuôi Cây Vôi mốc, cây vôi hương tại các thôn Cầu Bâm, Thiện Phong, Ninh Tân, Thanh Thất, Phố Dò với khoảng 69 cá thể. Mô hình chăn nuôi bước đầu được triển khai, quy mô còn nhỏ lẻ, chủ yếu mang tính thử nghiệm; do đó chưa có cơ sở đầy đủ để đánh giá hiệu quả và giá trị kinh tế.

- **Định hướng, giải pháp phát triển:** Năm 2026 tiếp tục duy trì và phát triển thêm 02 mô hình chăn nuôi cây vôi mốc, cây vôi hương trên địa bàn xã theo hướng thí điểm, kiểm soát chặt chẽ, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; đánh giá hiệu quả thực tế của mô hình làm cơ sở xem xét, lựa chọn hướng phát triển phù hợp và từng bước nhân rộng trên địa bàn.

Đến năm 2030 phấn đấu có từ 15 - 20 cơ sở chăn nuôi cây vôi trở lên hoạt động hiệu quả, mang lại giá trị kinh tế cao, làm cơ sở để từng bước nhân rộng mô hình trên địa bàn xã. Tư vấn, hỗ trợ thành lập Tổ hợp tác, Hợp tác xã chăn nuôi cây vôi, từng bước mở rộng quy mô chăn nuôi; tăng cường liên kết giữa các hộ; tổ chức sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, bao gồm cả cây sinh sản và cây thương phẩm. Chủ động vận dụng, lồng ghép tối đa các chính sách hỗ trợ của Nhà nước nhằm khuyến khích, hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ gia đình tham gia phát triển chăn nuôi. Phối hợp với cơ quan chuyên môn (*Hạt Kiểm lâm khu vực I*) hướng dẫn, hỗ trợ các hộ thực hiện đầy đủ thủ tục để thành lập mới các cơ sở chăn nuôi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định.

2. Phát triển Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

2.1. Hiện trạng: Hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn xã được duy trì ổn định. Trên địa bàn xã Sơn Thủy hiện có 01 khu công nghiệp⁵ và 01 cụm công nghiệp⁶ với khoảng trên 60 doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động (*62 doanh nghiệp, 14 hợp tác xã*) với các ngành nghề sản xuất, kinh doanh tương đối phong phú và đa dạng, tập trung vào các ngành như: sản xuất bột barit, fenspat, sản xuất bao bì, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, kinh doanh thương mại, xây dựng cơ bản, sản xuất nông lâm nghiệp...Hiện nay Ủy

⁵ Khu Công nghiệp Sơn Nam do Ban quản lý dự án các Khu công nghiệp tỉnh quản lý, được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 15/7/2016, với tổng diện tích phê duyệt quy hoạch tổng thể là 150 ha, đến nay khu công nghiệp đã thu hút được 08 dự án đầu tư, với tổng số vốn đầu tư khoảng 160 tỷ đồng; trong đó: 03 dự án đang hoạt động, 01 dự án dừng hoạt động và 04 dự án chưa hoàn thành đưa và sản xuất.

⁶ Cụm công nghiệp Ninh Lai - Thiện Kế: Được UBND tỉnh Tuyên Quang quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 08/11/2021, cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại Thanh Giang, với tổng diện tích quy hoạch xây dựng là 75 ha, ứng với tổng mức đầu tư là 965 tỷ đồng. Kết quả đến nay, dự án đã thực hiện xong công tác thu hồi đất, bồi thường GPMB; Ủy ban nhân dân xã Sơn Thủy đã thực hiện các thủ tục về việc giao đất, cho thuê đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Ninh Lai - Thiện Kế (đợt 1, giai đoạn 1) tại Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 28/11/2025. Hiện Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thanh Giang đang triển khai san gạt mặt bằng để đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo tiến độ điều chỉnh chủ trương đầu tư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt..

ban nhân dân xã đã quy hoạch thêm 01 khu công nghiệp (*khu công nghiệp Sơn Thủy*) khoảng 300 ha và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh nhất trí đưa vào quy hoạch tỉnh và UBND xã đã mời gọi nhà đầu tư tiến hành khảo sát và triển khai các bước theo quy định của pháp luật.

Việc phát triển các khu, cụm công nghiệp và các doanh nghiệp, hợp tác xã đã mang lại những đóng góp tích cực cho ngân sách nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; giải quyết việc làm và tạo thu nhập ổn định cho người lao động, góp phần xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, thúc đẩy giao thương, kết cấu hạ tầng phát triển chung của toàn xã.

2.2. Định hướng, giải pháp phát triển: Phát triển công nghiệp theo hướng đồng bộ, hiện đại, gắn với bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; tiếp tục duy trì hoạt động ổn định với có 01 khu công nghiệp và 01 cụm công nghiệp và khoảng trên 70 doanh nghiệp, hợp tác xã hiện có trên địa bàn xã; tập trung rà soát, quy hoạch bổ sung và phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn; chỉ đạo, phối hợp triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn xã theo quy hoạch.

Năm 2026, đơn đốc chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Ninh Lai - Thiện Kế hoàn thiện hạ tầng cụm công nghiệp theo đúng quy định, sớm đưa dự án vào hoạt động, phối hợp với Chủ đầu tư (*Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Thanh Giang*) tiếp tục triển khai thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng giai đoạn 2, với diện tích khoảng 40 ha đất còn lại để xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo quy định, tạo quỹ đất sạch để bàn giao cho nhà đầu tư triển khai dự án; tập trung tháo gỡ khó khăn tại khu công nghiệp Sơn Nam để thu hút doanh nghiệp đầu tư sản xuất, đảm bảo tỷ lệ lấp đầy trên 70%; phối hợp thực hiện khảo sát hiện trạng sử dụng đất, điều kiện tự nhiên, hạ tầng kỹ thuật, khả năng kết nối giao thông và các yếu tố liên quan; xác định vị trí, ranh giới, quy mô để phát triển khu công nghiệp Sơn Thủy với diện tích 300 ha, đảm bảo đồng bộ, phù hợp với quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 và điều kiện của địa phương để thu hút đầu tư phát triển công nghiệp trong thời gian tới.

Thu hút phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp bán dẫn, chip, linh kiện điện tử thế hệ mới, cảm biến, thiết bị IoT, năng lượng sạch, pin thế hệ mới. Tập trung cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp trên địa bàn. Khuyến khích đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực chế biến sâu. Phấn đấu hàng năm, thành lập mới được ít nhất 05 doanh nghiệp, 02 hợp tác xã, trên 50 hộ kinh doanh trên địa bàn xã.

3. Phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

3.1. Phát triển thương mại, dịch vụ

3.1.1. Hiện trạng: Trên địa bàn xã hiện có 03 chợ nông thôn đang hoạt động ổn định và khoảng trên 735 hộ kinh doanh với các hình thức hoạt động là các đại lý hàng tạp hoá, tạp phẩm, siêu thị mini, cửa hàng tự chọn, dịch vụ nhà hàng ăn uống, dịch vụ y tế, vui chơi, giải trí, cưới hỏi... tiếp tục phát triển, góp

phần đẩy mạnh hoạt động trao đổi, giao lưu hàng hóa; số lượng, chủng loại các loại hàng hoá ngày càng phong phú, đáp ứng nhu cầu mua sắm của người dân; công tác quản lý về thương mại, giá cả hàng hóa trên địa bàn được thực hiện thường xuyên; hoạt động kiểm tra, xử phạt các vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm được thực hiện nghiêm góp phần bảo vệ người tiêu dùng, khối lượng hàng hóa vận chuyển, luân chuyển trên địa bàn được đảm bảo.

Về thực hiện dự án Khu trung tâm thương mại và dịch vụ: Căn cứ Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030; căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu thực tế của địa phương; Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án Khu trung tâm thương mại và dịch vụ Việt Nhật tại thôn Rừng Vầu, xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Sơn Thủy) với tổng diện tích được quy hoạch khoảng 15.000 m², tổng vốn đầu tư là 35 tỷ đồng, đơn vị Chủ đầu tư là TNHH Sản xuất TMDV Việt Nhật (Địa chỉ/trụ sở chính: Thôn Thái Sơn Tây, xã Phú Lương, tỉnh Tuyên Quang). Hiện nay Chủ đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ, báo cáo giải trình và điều chỉnh bản vẽ quy hoạch theo nội dung ý kiến tại Hội nghị lấy ý kiến cộng đồng dân cư, các cơ quan, đơn vị để trình phê duyệt chấp thuận quy hoạch theo quy định.

3.1.2. Định hướng, giải pháp phát triển: Năm 2026 tiếp tục triển khai thực hiện các bước tiếp theo dự án Khu trung tâm thương mại và dịch vụ Việt Nhật tại thôn Rừng Vầu, xã Sơn Nam, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Sơn Thủy) với tổng diện tích được quy hoạch khoảng 15.000 m², tổng vốn đầu tư là 35 tỷ đồng, đơn vị Chủ đầu tư là TNHH Sản xuất TMDV Việt Nhật (được phê duyệt tại Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 307/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang).

Tiếp tục duy trì, quy hoạch, nâng cấp các chợ truyền thống, trung tâm thương mại, điểm bán lẻ theo hướng đồng bộ, đảm bảo vệ sinh, an toàn; đồng thời khuyến khích đầu tư phát triển hạ tầng thương mại theo hướng hiện đại (trung tâm thương mại, siêu thị...), hệ thống phân phối xanh, bền vững, đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, thương mại truyền phát trực tiếp (livestream) và mô hình phân phối số để mở rộng thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh. Tăng cường xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu sản phẩm OCOP, sản phẩm hàng hóa đặc trưng của địa phương; khuyến khích, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, Hợp tác xã mở rộng thị trường tham gia các hội nghị, hội chợ thương mại trong và ngoài tỉnh nhằm mở rộng thị trường và khai thác hiệu quả các thị trường mới, thị trường tiềm năng. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, xử phạt các vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn

bán hàng giả, hàng cấm, góp phần bảo vệ người tiêu dùng, khối lượng hàng hóa vận chuyển, luân chuyển trên địa bàn được đảm bảo. Nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các ngành dịch vụ. Phát triển các loại hình dịch vụ mới, dịch vụ kết nối có giá trị gia tăng cao, có lợi thế. Phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải, logistics... trên địa bàn. Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao, việc làm, môi trường... theo cơ chế thị trường.

3.2. Phát triển du lịch

3.2.1. Hiện trạng: Xã Sơn Thủy có nhiều lợi thế nổi bật để phát triển du lịch khi được bao bọc bởi hai dãy núi, theo hướng Bắc có dãy núi Bàu, hướng Đông có dãy núi Tam Đảo, tạo nên cảnh quan tự nhiên hài hòa, môi trường sinh thái trong lành, phù hợp với các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái và trải nghiệm. Trên địa bàn có hệ thống di tích tương đối phong phú với 04 di tích kiến trúc nghệ thuật (*Chùa Thiện (chùa Hang) thôn Thiện Phong, chùa Khoan Lư thôn Khoan Lư, Đền Đức Ông thôn cầu Bám, bãi cột đá thôn Cao Đá*) và 01 di tích khảo cổ Di chỉ thời Hùng Vương, thôn Thiện Phong, cùng các lễ hội truyền thống được duy trì thường xuyên như Lễ hội Chùa Thiện (chùa Hang), góp phần thu hút khách tham quan, chiêm bái. Bên cạnh đó, xã có nền tảng văn hóa đa dạng, giàu bản sắc của các dân tộc thiểu số với nhiều giá trị văn hóa phi vật thể đặc sắc như Sọng cô, Lễ Đại phan của người Sán Dìu và Tết nhảy của người Dao; các phong tục, tập quán, trang phục, dân ca, dân vũ được bảo tồn và phát huy. Tuy nhiên, việc khai thác các tiềm năng về phát triển du lịch trên địa bàn xã vẫn còn hạn chế, chủ yếu dừng ở quy mô nhỏ lẻ, thiếu sản phẩm du lịch đặc trưng và chưa được tổ chức bài bản. Hạ tầng du lịch, cơ sở lưu trú, dịch vụ hỗ trợ còn thiếu và yếu; công tác quảng bá, liên kết phát triển du lịch chưa hiệu quả; nguồn nhân lực phục vụ du lịch chưa được đào tạo chuyên nghiệp.

3.2.2. Định hướng, giải pháp phát triển: Đẩy mạnh khai thác tiềm năng, thế mạnh của địa phương để phát triển du lịch; đẩy mạnh công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá truyền thống gắn phát triển du lịch, duy trì và phát triển các di sản văn hóa phi vật thể Hát Sọng cô và Lễ Đại phan, du lịch tâm linh (*Chùa Hang Thiện Kế, chùa Khoan Lư*); tập trung đầu tư hạ tầng du lịch, cải thiện môi trường cảnh quan; phát triển các sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái trải nghiệm văn hóa dân tộc (*thôn Thiện Phong; hồ Khoan Lư*) gắn với sản phẩm OCOP; phát triển du lịch gắn với khai thác các sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu vừa quảng bá, tạo đầu ra tại chỗ cho sản phẩm nông nghiệp, vừa tạo thêm sản phẩm du lịch mới, hấp dẫn, thân thiện với môi trường. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quảng bá, giới thiệu điểm đến, huy động sự tham gia của các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và người dân; tăng cường liên kết với các địa phương, đơn vị lân cận trong và ngoài xã, lồng ghép các mô hình bảo tồn văn hóa gắn với du lịch cộng đồng. Hằng năm, thu hút từ 10.000 - 12.000 lượt khách du lịch/năm.

- Năm 2026: Tập trung rà soát, xây dựng quy hoạch và đề án phát triển du lịch phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, xác định rõ các điểm du lịch trọng tâm như: Du lịch sinh thái gắn trải nghiệm văn hóa (*Thôn Thiện Phong và*

hồ Khoan Lu); Du lịch tâm linh (*Chùa Hang Thiện Kế, Chùa Khoan Lu*). Ưu tiên đầu tư, cải thiện hạ tầng thiết yếu (*giao thông, vệ sinh môi trường, biển chỉ dẫn*), đồng thời thí điểm xây dựng một số mô hình homestay đạt tiêu chuẩn gắn với bản sắc văn hóa dân tộc. Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, tổ chức các hoạt động lễ hội, trải nghiệm văn hóa nhằm thu hút du khách; bước đầu hình thành các sản phẩm du lịch sinh thái, văn hóa cộng đồng và du lịch tâm linh.

- Đến năm 2030: Phát triển du lịch theo hướng bền vững, phát triển du lịch sinh thái, trải nghiệm văn hóa cộng đồng gắn với bảo tồn Hát Soọng cô, Lễ Đại phan; du lịch tâm linh gắn với hệ thống chùa, cơ sở tín ngưỡng; du lịch sinh thái và trải nghiệm nông nghiệp gắn với sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của địa phương. Đầu tư đồng bộ hạ tầng du lịch, khuyến khích thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia phát triển dịch vụ; mở rộng và nâng cao chất lượng hệ thống homestay, dịch vụ ăn uống, hướng dẫn, trải nghiệm. Xây dựng và hoàn thiện các sản phẩm du lịch đặc trưng như trải nghiệm đời sống đồng bào dân tộc, tham gia lễ hội truyền thống, khám phá cảnh quan tự nhiên. Đẩy mạnh chuyển đổi số, quảng bá du lịch trên nền tảng số, tăng cường liên kết với các địa phương trong và ngoài tỉnh để hình thành tuyến, điểm du lịch. Đồng thời, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch tại chỗ thông qua đào tạo, tập huấn kỹ năng. Phấn đấu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế bổ trợ quan trọng của địa phương, từng bước tăng trưởng ổn định về lượng khách và doanh thu, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao đời sống người dân.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Phương án này và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Trưởng các thôn tổ chức quán triệt, thông tin tuyên truyền và triển khai thực hiện có hiệu quả Phương án này. Chủ động phối hợp với các sở, ngành và các đơn vị liên quan xây dựng Kế hoạch cụ thể của đơn vị mình phù hợp nhiệm vụ, sát với thực tiễn, có tính khả thi để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả phương án, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Định kỳ hằng tháng, quý, năm chủ động tổng hợp, báo cáo đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Phương án này thuộc trách nhiệm của cơ quan, đơn vị với Ủy ban nhân dân xã; kịp thời đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp trong quá trình thực hiện.

2. Phòng Kinh tế:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch chi tiết, tổ chức thực hiện các nội dung về phát triển nông, lâm nghiệp, công nghiệp, thương mại và dịch vụ trên địa bàn xã.

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND xã thường xuyên theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức triển khai thực hiện Phương án; kịp thời tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân xã xem xét, giải quyết các vấn đề phát sinh, vướng mắc. Hằng năm, tham mưu Ủy ban nhân dân xã bố

trí nguồn kinh phí để triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của Phương án; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành theo quy định.

3. Văn phòng HĐND và UBND xã

- Tham mưu tổng hợp, xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân xã liên quan đến tổ chức, triển khai thực hiện Phương án.

- Theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ được giao; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện, phục vụ các kỳ họp định kỳ hàng tháng của Ủy ban nhân dân xã. Đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các Kết luận của Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã về Phương án phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2026- 2030 trên địa bàn xã.

4. Phòng Văn hóa - Xã hội:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch chi tiết, tổ chức thực hiện các nội dung về phát triển du lịch trên địa bàn xã.

- Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ công xã, các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến kịp thời, đầy đủ các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030; các mô hình sản xuất hiệu quả và các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp đặc sản, đặc trưng, tiêu biểu của xã.

5. Trung tâm Dịch vụ công xã:

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội, các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến kịp thời, đầy đủ các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 đến cán bộ, đảng viên, các tổ chức, cá nhân, cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể Nhân dân trên địa bàn xã tích cực hưởng ứng tham gia, triển khai thực hiện hiệu quả Phương án. Tăng cường tuyên truyền các mô hình sản xuất hiệu quả và các sản phẩm nông nghiệp đặc sản, tiêu biểu của xã.

- Phối hợp với phòng Kinh tế tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã xây dựng kế hoạch chi tiết, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung về phát triển nông, lâm nghiệp trên địa bàn xã.

6. Công an xã, Ban Chỉ huy quân sự xã:

Theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã trong công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã.

7. Các ông (bà) Trưởng thôn trên địa bàn xã:

Tổ chức tuyên truyền toàn văn nội dung Phương án này đến các tổ chức, cá nhân, đảng viên và toàn thể Nhân dân thuộc thôn mình quản lý biết và triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Phương án này. Tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia các mô hình phát triển kinh tế - xã hội theo Phương án được phê duyệt.

8. Đề nghị Thường trực HĐND xã, các ban HĐND xã và đại biểu HĐND xã:

Phát huy vai trò giám sát trong việc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Phương án; chủ động theo dõi, đánh giá tiến độ và hiệu quả

thực hiện tại cơ sở. Thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân; kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình triển khai để phản ánh, kiến nghị với Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan liên quan xem xét, giải quyết, bảo đảm Phương án được thực hiện đồng bộ, hiệu quả và sát với thực tiễn.

9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã: Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên cùng các tầng lớp Nhân dân đoàn kết, chung sức thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã và các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 của Ủy ban nhân dân xã tại Phương án này.

Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các ông (bà) Trưởng thôn trên địa bàn xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân xã để xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở: Tài chính, Nông nghiệp và MT; Công thương; Khoa học và Công nghệ; Xây dựng; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; (B/cáo);
- TTr Đảng ủy; HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã (chỉ đạo);
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã (T/h);
- Chánh, PCVP HĐND và UBND xã;
- Chuyên viên KT;
- Lưu: VT (Thúy, KT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Bút